

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) là động lực chính để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng; là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh; là nền tảng thực hiện chuyển đổi số; góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo của địa phương, trong đó lấy doanh nghiệp là trung tâm, đơn vị nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học là chủ thể nghiên cứu, Nhà nước đóng vai trò định hướng, điều phối và kiến tạo môi trường thuận lợi.

- Tăng cường khai thác các nguồn lực tại chỗ. Kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa phát triển năng lực nội sinh và tận dụng tối đa cơ hội, nguồn lực bên ngoài. Chủ động, ưu tiên tiếp nhận, làm chủ và nhanh chóng ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, nhất là các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số, bảo vệ môi trường sinh thái, thích nghi và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Phân công rõ trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của Chiến lược.

- Tập trung công tác quán triệt, tuyên truyền nội dung Chiến lược nhằm thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của các cấp, các ngành và người dân đối với nhiệm vụ phát triển KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và triển khai thực hiện Chiến lược gắn với tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ động, linh hoạt, tích cực triển khai Kế hoạch. Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện việc kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực KH,CN&ĐMST của tỉnh, gắn với đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tiếp thu, làm chủ các công nghệ tiên tiến. Đến năm 2030, KH,CN&ĐMST trở thành nhân tố quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người Quảng Trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển KH,CN&ĐMST được đề ra trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế bằng với mức trung bình của cả nước.

- Nâng cao trình độ công nghệ của toàn bộ các ngành kinh tế. Đến năm 2030, trình độ năng lực công nghệ của tỉnh trên mức trung bình chung của cả nước. Chỉ số đổi mới công nghệ thiết bị của tỉnh tăng dần qua các năm. Chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh (PII) không ngừng được cải thiện, phấn đấu đến năm 2030, chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt mức trung bình của cả nước.

- KH,CN&ĐMST đóng vai trò quan trọng phát triển công nghiệp mũi nhọn, trọng tâm là công nghiệp năng lượng và chế biến; phát triển dịch vụ; hướng đến nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, góp phần quan trọng vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại.

- KH,CN&ĐMST góp phần quan trọng trong xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, đất nước, con người Quảng Trị; cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và ban hành các chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Phấn đấu nhân lực khoa học và công nghệ (có trình độ từ đại học trở lên) đến năm 2030 đạt 10% so với tổng lao động của tỉnh. Hình thành đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trình độ cao, đủ sức tổ chức, hợp tác nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh.

- Phấn đấu đến năm 2030, có 20 doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 15% - 20% trong tổng số doanh nghiệp.

- Đến năm 2030 có 50% kết quả của các dự án KH&CN nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ được thương mại hóa sản phẩm. 70% dự án KH&CN nghiên cứu ứng dụng thành công từng bước được nhân rộng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Hoàn thành các mục tiêu cụ thể về KH,CN&ĐMST theo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với phát triển KH,CN&ĐMST

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST của tỉnh trong toàn bộ hệ thống chính trị các cấp, các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học - cao đẳng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và các tầng lớp nhân dân bằng hình thức phù hợp.

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Cần gắn chặt các mục tiêu, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành.

2. Xây dựng, hoàn thiện, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển KH,CN&ĐMST

2.1. Đổi mới và hoàn thiện quản lý Nhà nước về KH,CN&ĐMST

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện các chính sách về KH,CN&ĐMST để khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KH,CN&ĐMST trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tập trung xây dựng, triển khai các chính sách địa phương để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp công nghiệp lần thứ tư; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,...

- Kiện toàn tổ chức và cơ chế vận hành bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động KH,CN&ĐMST ở tỉnh theo hướng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường hợp tác, phối hợp giữa các bộ phận chức năng, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Nghiên cứu triển khai cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Quan tâm đến công tác nghiên cứu KH,CN&ĐMST trong các doanh nghiệp. Đẩy mạnh liên kết 3 nhà: Nghiên cứu - Quản lý - Doanh nghiệp.

- Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp huyện và của các ngành để nâng cao chất lượng và hiệu quả tư vấn hoạt động khoa học và công nghệ các cấp, các ngành.

- Xây dựng, số hóa các cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, từng bước tích hợp, liên thông với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính đối với hoạt động KH,CN&ĐMST

- Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ công khai, minh bạch, khách quan; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực KH,CN&ĐMST.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; triển khai cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tái cơ cấu các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Tập trung phát triển sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao. Chú trọng thông tin và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp.

- Tăng cường đầu tư ngân sách cho hoạt động KH,CN&ĐMST nhằm phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước tương xứng với nhu cầu phát triển KH,CN&ĐMST. Phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách cho KH,CN&ĐMST, tránh chồng chéo, trùng lặp, dàn trải; tập trung đầu tư vào phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST, hỗ trợ nâng cao tiềm lực các tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian thị trường khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cấp thiết bị và đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,... Tăng cường khai thác các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thông qua các hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết, hợp tác quốc tế,...

- Linh hoạt và đơn giản hoá thủ tục thanh quyết toán tài chính nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nghiên cứu áp dụng hiệu quả phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra.

3. Triển khai mạnh mẽ các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh

3.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng luận cứ khoa học nhằm tham mưu hoạch định các chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính

trị, giữ vững quốc phòng - an ninh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; nghiên cứu các giải pháp về phát triển kinh tế tri thức, các luận cứ và giải pháp gắn phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu xác định điều kiện, giải pháp, lộ trình đổi mới, chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế dựa vào KH,CN&ĐMST, kinh tế số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và của nền kinh tế.

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao giáo dục lịch sử, truyền thống, thuần phong, mỹ tục tỉnh Quảng Trị phục vụ quá trình hội nhập và phát triển; nghiên cứu phát huy vai trò khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Trị; nghiên cứu khai thác phát huy hiệu quả thương hiệu du lịch Quảng Trị; nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh Quảng Trị.

3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên

- Nghiên cứu về các lĩnh vực tiềm năng để cung cấp cơ sở dữ liệu, luận cứ khoa học phục vụ phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nhằm kêu gọi thu hút các dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện than, điện khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nguyên nhân, tác động của thiên tai, quá trình biến đổi khí hậu làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý môi trường; bảo tồn phát triển đa dạng sinh học; tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3.3. Hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ vào các ngành, lĩnh vực

3.3.1. Công nghệ thông tin và truyền thông

- Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số, tạo ra những sản phẩm, thiết bị và các tiện ích thông minh ứng dụng trong sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, quản lý xã hội và đời sống.

- Tổ chức triển khai chương trình chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực và địa phương theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy nhanh và triển khai toàn diện chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Tập trung nguồn lực thực hiện thành công chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tập trung thúc đẩy chuyển đổi giao thức Ipv4 sang Ipv6,

đặc biệt là khối các cơ quan nhà nước, hạ tầng chính quyền điện tử; hiện đại hóa mạng viễn thông, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước bắt kịp các xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3.3.2. Công nghệ sinh học

- Ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi và phổ biến trong các ngành, lĩnh vực.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nhân giống bằng phương pháp vô tính (*in vitro*) để sản xuất, phục tráng, chọn tạo các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; có khả năng chống chịu sâu, bệnh.
- Nghiên cứu sản xuất các loại chế phẩm sinh học thế hệ mới phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị nông sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe con người.
- Ứng dụng công nghệ sinh học phân tử và sản xuất KIT trong chẩn đoán bệnh cây trồng, vật nuôi; kiểm soát dư lượng chất cấm trong nông sản. Ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến, tập trung ứng dụng công nghệ, thiết bị lên men vi sinh để sản xuất, chế biến thực phẩm.
- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học xử lý các chất gây ô nhiễm, ưu tiên đối với xử lý chất thải sinh hoạt, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.
- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ enzyme vào sản xuất nông nghiệp để sản xuất thức ăn cho động vật nhằm tăng giá trị dinh dưỡng của thức ăn thô, nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng của vật nuôi.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, đặc trưng; ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hương Hóa.

3.3.3. Công nghệ vật liệu và năng lượng

- Nghiên cứu quy hoạch phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, ... Quan tâm định hướng phát triển năng lượng sạch hydro. Tập trung ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các cơ sở điện khí và công nghiệp khí tại Khu kinh tế Đông Nam và các nguồn năng lượng tái tạo tại các khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên gắn với xây dựng hệ thống truyền tải đồng bộ.

- Nghiên cứu về vật liệu xây dựng, vật liệu mới, Silicat, khí hóa lỏng.

3.3.4. Công nghệ cơ khí, tự động hóa

- Nghiên cứu lựa chọn, đưa vào ứng dụng các loại máy móc, trang thiết bị cơ giới phục vụ một số khâu trong sản xuất nông nghiệp, như làm đất, vận chuyển thu hoạch, dây chuyền cơ giới hoá trong chăn nuôi, tưới tiêu tự động...; lựa chọn các thiết bị công nghệ bảo quản và chế biến lương thực thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc quy mô vừa và nhỏ.

- Nghiên cứu phát triển các loại công cụ cơ khí phục vụ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, phục vụ phát triển làng nghề thủ công; hiện đại hoá từng bước các công đoạn trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

- Đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hoá và tự động hoá quá trình điều khiển, định lượng đo lường, kiểm tra chất lượng trong các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh. Tăng cường các loại thiết bị, máy móc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

3.3.5. Công nghệ chế biến nông - lâm - thủy sản, cây dược liệu

Nghiên cứu ứng dụng các quy trình công nghệ chế biến sâu các sản phẩm nông sản để tạo thành hàng hóa chất lượng cao; kết hợp với việc xây dựng thương hiệu, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, phục vụ xuất khẩu, gia tăng chuỗi giá trị hàng hóa nông sản và cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

3.3.6. Công nghệ môi trường

- Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, công nghệ tái chế chất thải. Tập trung nghiên cứu các giải pháp công nghệ cải thiện môi trường của các cơ sở sản xuất, khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, các lưu vực sông trong tỉnh; giải pháp giảm phát thải khí nhà kính.

- Phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại tái chế chất thải, sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường.

- Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ viễn thám trong công tác quản lý tài nguyên, môi trường, phân tích tác động của biến đổi khí hậu và mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.3.7. Công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh

- Nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, kiến trúc, quy hoạch và xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đô thị thông minh; chú trọng ứng dụng công nghệ sạch và tiết kiệm sử dụng năng lượng trong công trình.

- Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất sản phẩm đạt các tiêu chuẩn, nhất là trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng thuộc thế mạnh ưu tiên của tỉnh.

- Tiếp cận và làm chủ công nghệ - kỹ thuật thiết bị hiện đại, tiên tiến, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước, nhất là đối với các công trình có trình độ kỹ thuật cao trong lĩnh vực xây dựng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng, quản lý, điều hành hệ thống hạ tầng giao thông. Đặc biệt là ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp, logistic dọc Quốc lộ 15D...

4. Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo của tỉnh

- Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh trong từng ngành, từng lĩnh vực; liên kết chặt chẽ với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của quốc gia; tập trung đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, các cụm liên kết ngành. Cụ thể:

Trong các ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

+ Thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ chọn tạo giống, công nghệ chăm sóc, theo dõi theo các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; tập trung đầu tư vào những dự án quy mô lớn, triển khai các mô hình canh tác tiên tiến hiệu quả.

+ Tập trung ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ tự động hóa để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, viễn thám, GIS... thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, tạo ra sự đột phá về năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Hỗ trợ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

+ Hình thành hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao,... góp phần tích cực vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

Trong các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông:

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ; đổi mới mô hình quản lý, kinh doanh, đổi mới sản phẩm. Thúc đẩy rộng rãi các hoạt động đổi mới dây chuyền, thiết bị, máy móc, công nghệ. Triển khai các hoạt động đào tạo về năng lực quản trị, khai thác công nghệ, cùng với áp dụng các mô hình kinh doanh mới, mô hình đổi mới sáng tạo đã thành công; liên kết, tạo lập mạng lưới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp.

+ Tập trung thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế tạo doanh thu và giá trị xuất khẩu cao của tỉnh gồm: công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp silicat, công nghiệp may mặc, để thúc đẩy năng lực cạnh tranh các sản phẩm, dịch vụ ưu tiên của tỉnh.

+ Hình thành các hệ thống đổi mới sáng tạo gắn với các cụm liên kết ngành, các chuỗi giá trị nội địa và chuỗi giá trị toàn cầu trong các ngành công nghiệp có doanh thu lớn, giá trị xuất khẩu để thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu Quảng Trị nói riêng, Việt Nam nói chung.

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các dự án trọng điểm của tỉnh. Ứng dụng

các công nghệ mới trong xây dựng, quản lý, điều hành hệ thống hạ tầng giao thông; trong quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp.

Trong các ngành dịch vụ:

+ Triển khai ứng dụng rộng rãi và mạnh mẽ các nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các mô hình kinh doanh mới trong các hoạt động dịch vụ, du lịch, kinh doanh, dịch vụ công, đặc biệt là trong phát triển một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh của tỉnh như: dịch vụ du lịch, dịch vụ logistics,... Phát triển các doanh nghiệp kinh doanh dựa trên nền tảng số, doanh nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ và dịch vụ số.

+ Hỗ trợ đào tạo quản lý, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tư vấn lựa chọn công nghệ phù hợp áp dụng vào sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ các doanh nghiệp kết nối, sử dụng chung hạ tầng và chia sẻ dữ liệu để tối ưu hóa mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ. Nâng cấp và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm nâng cấp giao diện và các tính năng trên Sàn thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị; quảng bá Sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn tỉnh mở rộng kênh phân phối sản phẩm thông qua việc kết nối, tham gia các Sàn thương mại điện tử uy tín trong nước. Xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc điện tử nhằm hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo địa phương gắn với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung trên cơ sở lợi thế về nông nghiệp và kinh tế biển. Hình thành nên những doanh nghiệp khởi nghiệp thành công, có khả năng tăng trưởng nhanh và bền vững, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh. Tăng cường liên kết với các thành phần của hệ sinh thái vùng (doanh nghiệp khởi nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp,...) nhằm tạo dựng và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương. Kết nối có hiệu quả với mạng lưới các đơn vị hỗ trợ, cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và mạng lưới chuyên gia, các nguồn lực trong nước, quốc tế để thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức, tăng cường đầu tư về nhân lực, cơ sở vật chất nhằm nâng cao năng lực của Trung tâm Nghiên cứu, Chuyển giao công nghệ và Đổi mới sáng tạo nhằm phát huy vai trò là đơn vị đầu mối trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

5. Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST

- rà soát, sắp xếp lại hợp lý các tổ chức khoa học và công nghệ của các ngành, các trường đại học, cao đẳng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, trùng lặp và phù hợp với các định hướng ưu tiên về KH,CN&ĐMST, kinh tế - xã hội của tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ, các phòng thí nghiệm trực thuộc doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao. Tạo được mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong tỉnh, trong nước sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề KH,CN&ĐMST của tỉnh. Đẩy mạnh việc ưu tiên tuyển dụng vào các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các cơ quan nhà nước đối với các nhà khoa học trẻ tài năng. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, luân chuyển phù hợp để nâng cao trình độ của cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các tổ chức khoa học và công nghệ. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ và quản lý doanh nghiệp. Thúc đẩy chi cho phát triển nhân lực từ Quỹ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, ưu đãi về tín dụng cho đào tạo nhân lực.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng KH,CN&ĐMST, nhất là khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cơ sở vật chất của các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trong các doanh nghiệp. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng cho Vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Đèo Sa Mù và thôn Hướng Phú, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa để phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, kết hợp với du lịch sinh thái. Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các ngành và trường cao đẳng theo hướng hiện đại.

- Tăng cường vốn đầu tư từ ngân sách cho KH,CN&ĐMST, đồng thời tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư xã hội hóa khác. Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KH,CN&ĐMST, gồm: ngân sách địa phương (chi sự nghiệp khoa học, chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ), ngân sách trung ương (khai thác từ các chương trình cấp nhà nước, cấp bộ),...

- Triển khai tích cực các biện pháp để huy động vốn đầu tư khác cho KH,CN&ĐMST. Hằng năm đẩy mạnh việc bổ sung nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh và của các doanh nghiệp; tạo điều kiện hỗ trợ tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các chương trình, dự án khoa học và công nghệ của Trung ương, của các tổ chức quốc tế; tiếp tục thực hiện cơ chế đối ứng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tăng kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm trực thuộc doanh nghiệp,...

6. Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

- Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng dần tỉ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước; đẩy mạnh các hoạt động trung gian, xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; liên thông thị trường khoa học và công nghệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính và lao động.

- Thúc đẩy hoạt động hỗ trợ, ươm tạo, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp; tổ chức đánh giá trình độ và năng lực

công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị; triển khai các hoạt động tìm kiếm, kết nối và giới thiệu công nghệ, thiết bị cho các doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận, đặc biệt là các công nghệ, thiết bị tiên tiến. Mỗi năm hỗ trợ hình thành ít nhất từ 01 - 02 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ từ 02 - 03 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ và thiết bị tại các sự kiện khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ từ 01 - 02 dự án vay Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các ứng dụng kết quả nghiên cứu, đổi mới và chuyển giao công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, cá nhân; tổ chức từ 01 - 02 lớp đào tạo, tập huấn bồi dưỡng về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, chính sách phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh việc chuyển giao, ứng dụng các công nghệ tiên tiến cùng với nâng cao năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ và kỹ năng nguồn nhân lực, triển khai chuyển đổi số, đổi mới quy trình sản xuất và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với quá trình đổi mới công nghệ. Mỗi năm hỗ trợ từ 05 - 06 dự án đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thuộc một trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin và truyền thông; công nghệ xây dựng, giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh; công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ đã ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh và thương mại hóa cao để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

- Điều tra, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt hiện trạng trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu, đề xuất, tư vấn lộ trình, giải pháp khai thác năng lực công nghệ, giải pháp thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ để tăng cường năng lực công nghệ cho các doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

- Gia tăng số lượng, chất lượng và hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, chú trọng phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp cùng với việc tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống truy xuất nguồn gốc, công cụ cải tiến năng suất chất lượng và chương trình đảm bảo đo lường, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao.

7. Đẩy mạnh hợp tác về KH,CN&ĐMST với trong nước và quốc tế

- Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, triển khai các mô

hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

- Đa dạng hóa các mối quan hệ và các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Xây dựng danh mục dự án khoa học và công nghệ của tỉnh để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước; thực hiện một số chính sách đặc thù thu hút các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học trong nước tham gia các chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án mà tỉnh đang quan tâm góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; vận động người Quảng Trị ở nước ngoài, các tỉnh trong cả nước đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ về quê hương.

- Đưa hợp tác khoa học và công nghệ của tỉnh với các tổ chức trong nước và quốc tế thành một nội dung quan trọng gắn liền với hợp tác về kinh tế - xã hội; tham gia tích cực vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của quốc gia, tạo điều kiện thu hút các hoạt động khoa học và công nghệ của các cơ quan Trung ương về địa bàn Quảng Trị; tăng cường liên kết với các địa phương khác trong hoạt động khoa học và công nghệ thông qua chương trình liên kết về nghiên cứu, phối hợp tổ chức chợ thiết bị công nghệ,...

8. Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST

- Tổ chức các hoạt động tôn vinh xứng đáng những cá nhân, tổ chức có các phát minh, sáng chế, công trình KH,CN&ĐMST đem lại hiệu quả cao; tổ chức tốt Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

- Đa dạng hóa hoạt động truyền thông về KH,CN&ĐMST; ứng dụng nền tảng số và mạng xã hội để thông tin kịp thời các tiến bộ KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhất là khu vực doanh nghiệp và nông thôn.

- Khuyến khích, hỗ trợ thanh niên, thiếu niên nâng cao hiểu biết về khoa học và công nghệ và định hướng nghề nghiệp vào lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Mở rộng, nâng cao chất lượng và tăng cường truyền thông, khuyến khích đầu tư xã hội cho các cuộc thi, sân chơi về KH,CN&ĐMST cho trẻ em, thanh niên, thiếu niên.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm chi sự nghiệp khoa học, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo quy định và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn ngân sách chi cho các Chương trình, chính sách của tỉnh về khoa học và công nghệ và các chương trình khác có liên quan.

- Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp dành cho nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; tham mưu các cấp có

thẩm quyền về cơ chế chính sách nhất là cơ chế phối hợp liên ngành, các chính sách ưu đãi để khuyến khích phát triển KH,CN&ĐMST; triển khai có hiệu quả các kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt về lĩnh vực KH,CN&ĐMST.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt và bố trí kinh phí từ nguồn Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho các dự án xây dựng tiềm lực KH,CN&ĐMST.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương giao hằng năm; trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác có liên quan, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, tuần hoàn, hiệu quả và bền vững. Hỗ trợ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

- Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 296/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì triển khai các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ; đổi mới mô hình quản lý, kinh doanh, đổi mới sản phẩm. Thúc đẩy rộng rãi các hoạt động đổi mới dây chuyền, thiết bị, máy móc, công nghệ.

- Chủ trì triển khai thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế tạo doanh thu và giá trị xuất khẩu cao của tỉnh để thúc đẩy năng lực cạnh tranh các sản phẩm, dịch vụ ưu tiên của tỉnh.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan triển khai các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiếp tục triển khai giáo dục STEM (trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ,

kỹ thuật và toán học) trong các trường phổ thông theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong đầu tư xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và các dự án trọng điểm của tỉnh. Ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng, quản lý, điều hành hệ thống hạ tầng giao thông; trong quy hoạch và phát triển các cơ sở công nghiệp.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh triển khai các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, đào tạo ngành nghề mới, kỹ năng nghề mới theo nhu cầu của xã hội, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

9. Sở Nội vụ

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tạo động lực cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, các chuyên gia giỏi tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tuyên truyền về sản phẩm dịch vụ khoa học và công nghệ, vai trò quan trọng của KH,CN&ĐMST trong đời sống, sản xuất và trong xã hội đến tận người dân và doanh nghiệp.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì tổ chức triển khai ứng dụng rộng rãi và mạnh mẽ các nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong phát triển du lịch thông minh, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, hình thành thương hiệu du lịch Quảng Trị.

- Triển khai các nghiên cứu nhằm cung cấp luận cứ khoa học xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, đất nước, con người Quảng Trị.

12. Sở Ngoại vụ

Chủ trì tham mưu công tác đối ngoại, kết hợp xúc tiến hợp tác quốc tế về KH,CN&ĐMST trong các chuyến làm việc của Đoàn công tác tỉnh Quảng Trị tại nước ngoài. Vận động người Quảng Trị ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực khoa học và chuyển giao công nghệ cho tỉnh Quảng Trị.

13. Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này gắn với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của ngành, đơn vị, địa phương.

UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả. Thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện vào ngày 15 tháng 11 hằng năm, hoặc khi có yêu cầu (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh nội dung mới, những vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Tiến